

Số: 35/2024/QĐST-HNGĐ

P, ngày 04 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HUNG YÊN

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Đoàn Thanh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện P, tỉnh H;

- Chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1979;

Đăng ký HKTT: Thôn B, xã Ph, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh H;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Đoàn Chấn Ph, sinh ngày 19/10/2014;

Đăng ký HKTT: Thôn B, xã Ph, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp của cháu Ph: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh là bố mẹ đẻ của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện P ngày 12/12/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Nh là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh, chị bình thường được khoảng 04 - 05

năm đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và bất đồng quan điểm trong vấn đề quản lý kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc và không tìm được tiếng nói chung. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, kinh tế không tập trung, của ai làm ra tự quản lý, tự chi tiêu, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Anh T và chị Nh đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung và không còn trách nhiệm với nhau. Đến nay, anh T và chị Nh đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai anh chị đều thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh T và chị Nh theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn Chấn Ph, sinh ngày 19/10/2014. Ly hôn, anh T và chị Nh thoả thuận thống nhất giao cháu Ph cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Anh T và chị Nh thoả thuận, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nh. Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh thoả thuận thống nhất, anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc thoả thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 27/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đoàn Chấn Ph, sinh ngày 19/10/2014. Ly hôn, anh T và chị Nh thoả thuận thống nhất giao cháu Ph cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Anh T và chị Nh thoả thuận, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nh. Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Anh Đoàn Thanh T và chị Phạm Thị Nh thoả thuận, anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân

và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0000689 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hưng Yên. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền